

Bản án số: 156/2024/HS-ST
Ngày 18-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Tuấn
2. Bà Quách Thị Anh Thơ

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Trung Đức là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Toan – Kiểm sát viên.

Ngày 18-12-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 155/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 02-7-2005 tại huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
Nơi cư trú: thôn Tân Thái, xã Minh Tân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Kim Thị H. Tiền án: Bản án số 274/2023/HSST ngày 07-12-2023 của TAND thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt Nguyễn Hoàng G 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 07-5-2024. Thi hành án dân sự xong ngày 26-02-2024; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07-10-2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Bùi Quang D, sinh ngày 19-10-2004 tại huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
Nơi cư trú: thôn Quang Trung, xã Minh Tân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Tiến Tuấn và bà Nguyễn Thị Bay. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966

Nơi cư trú: thôn Long Nãi, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

(ông Tùng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người làm chứng: anh Đồng Minh Ph, sinh năm 2004 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố số 3, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 09-7-2024, bị cáo Bùi Quang D và Nguyễn Hoàng G, đến quán sửa chữa xe máy của ông Nguyễn Văn T mục đích thay yếm xe máy nhưng ông Tùng nói không có sẵn đồ nên cả hai ngồi chơi. Trong lúc ông Tùng sử dụng điện thoại đăng nhập tài khoản ngân hàng Quân đội (MB Bank) để thanh toán với khách, bị cáo G nhìn thấy tên đăng nhập là số điện thoại của ông Tùng 0916845682, một phần mật khẩu “Abtu196” và số dư trong tài khoản số tiền hơn 10.000.000 đồng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Sau đó Giang và Doanh bàn bạc thống nhất với nhau về việc đăng nhập tài khoản của ông Tùng vào thiết bị điện tử khác để chiếm đoạt số tiền trong tài khoản của ông Tùng. Trưa ngày 09-7-2024, tại nhà ở của bị cáo G, bị cáo D đã sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu POCO C40 màu xanh của mình, nhập thông tin đăng nhập nhưng do bị cáo G nhớ không chính xác nên nhập sai mật khẩu 05 lần vào ứng dụng MB Bank, hệ thống thông báo khoá thiết bị đăng nhập ứng dụng của bị cáo D. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, cả hai bàn bạc cùng nhau quay lại quán nhà ông Tùng mục đích để xem lại mật khẩu đăng nhập, trong lúc ông Tùng đăng nhập thanh toán với khách hàng, bị cáo G nhìn thấy được đầy đủ mật khẩu đăng nhập “Abtu1966” và cả hai về nhà Giang. Tại đây, bị cáo G sử dụng 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Vsmart Joy 3, màu đen của mình tải ứng dụng MB Bank và đăng nhập số tài khoản 0916845682 của ông Tùng, ứng dụng yêu cầu xác thực khuôn mặt của chủ tài khoản nên chưa chuyển được tiền. Khoảng 12 giờ ngày 10-7-2024, bị cáo G và bị cáo D tiếp tục đến quán sửa xe nhà ông Tùng, bị cáo D giả vờ hỏi mượn bơm xe máy, bị cáo G ngồi nói chuyện với ông Tùng và mở ứng dụng MB Bank trong điện thoại Vsmart Joy 3 của mình, đăng nhập tài khoản số 0916845682 MB Bank của ông Tùng, thao tác cài đặt cho phép giao dịch trên điện thoại của mình. Sau đó bị cáo G đưa điện thoại cho bị cáo D, bị cáo D cầm điện thoại đưa cho ông Tùng và nói “bác quay mặt bác vào đây xem thử có được không hay điện thoại của cháu bị lỗi”. Nghĩ là để bị cáo D kiểm tra điện thoại nên ông Tùng cầm điện thoại nhìn vào camera trước theo hướng dẫn của Giang và Doanh, khi ứng dụng thông báo xác thực thành công, bị cáo G cầm lại điện thoại. Sau đó, bị cáo G nhìn được tin nhắn mã OTP do hệ thống gửi về số điện thoại của ông Tùng để ở trên mặt bàn cạnh đó, nhập vào ứng dụng và cả hai về nhà bị cáo G. Tại đây, bị cáo D gọi điện thoại anh Đồng Minh Ph là bạn của Doanh hỏi cho chuyển nhờ tiền đến số tài khoản của anh Phúc, anh Phúc đồng ý và đọc tài khoản ngân hàng Agribank số 3401205174939 của mình. Bị cáo

G thao tác thực hiện 02 giao dịch chuyển tiền số tiền 10.038.000 đồng (giao dịch thứ nhất số tiền 5.000.000 đồng, giao dịch thứ hai số tiền 5.038.000 đồng) từ tài khoản tên của ông Tùng đến tài khoản của anh Phúc. Nhận được tiền trên, anh Phúc đã chuyển số tiền 10.000.000 đồng đến số tài khoản 36588888666666 ngân hàng Techcombank của bị cáo G và đưa cho bị cáo D 38.000 đồng tiền mặt. Lúc nhờ tài khoản của anh Phúc để chuyển tiền đến, anh Phúc không hỏi và bị cáo D cũng không nói nên anh Phúc không biết việc bị cáo D nhờ tài khoản của mình để chuyển tiền do bị cáo G và bị cáo D chiếm đoạt của ông Tùng. Sau đó, bị cáo G đến cây ATM ngân hàng Quân đội ở thị trấn Hưng Hà rút hết số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo G giữ lại 6.000.000 đồng, đưa cho bị cáo D 4.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được hai bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết.

Bản cáo trạng số 157/CT-VKSHH ngày 20-11-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng G và Bùi Quang D ra trước Toà án nhân dân huyện Hưng Hà để xét xử về “Tội sử dụng mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 290 của Bộ luật Hình sự (viết tắt BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hoàng G và bị cáo Bùi Quang D đều khai nhận đã thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 10.038.000 đồng của ông Nguyễn Văn T như nội dung nêu ở trên.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với hai bị cáo như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng, căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng G và Bùi Quang D phạm “Tội sử dụng mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 290; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng G từ 09 tháng đến 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07-10-2024. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 290; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Bùi Quang D từ 07 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét giải quyết. Về xử lý vật chứng: tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu POCO C40 màu xanh, số IMEI 1: 862598051797942 và số IMEI 2: 8625980551797959, trong máy có lắp 01 sim Viettel số 0984.736.897 quản lý của bị cáo D. Các bị cáo phải chịu phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ lưu trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định Điều 292, Điều 293 của BLTTHS.

[3] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: lời khai của bị cáo G và bị cáo D tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và còn phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: lời khai của bị hại là ông Nguyễn Văn T (bút lục số 02, 70-71, 83-84); Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử do Công an xã Độc Lập lập hồi 16 giờ 05 phút ngày 15-7-2024 tại Công an xã Độc Lập (bút lục số 72-73); Biên bản kiểm tra điện thoại của ông Nguyễn Văn T do Công an xã Độc Lập lập hồi 16 giờ 20 phút ngày 15-7-2024 tại trụ sở Công an xã Độc Lập (bút lục từ số 74 đến số 79); các Công văn cung cấp thông tin của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh Bắc Thái Bình (Agribank); Ngân hàng Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) và Ngân hàng Quân đội (MB) theo yêu cầu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà (bút lục số 155-174) và lời khai của người làm chứng là anh Đồng Minh Ph (bút lục số 147-149).

[4] Như vậy có đủ cơ sở kết luận: vào khoảng 12 giờ 55 phút ngày 10-7-2024, tại nhà ở của bị cáo Nguyễn Hoàng G ở thôn Tân Thái, xã Minh Tân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; bị cáo Nguyễn Hoàng G và Bùi Quang D có hành vi sử dụng điện thoại di động Vsmart Joy 3 màu đen của bị cáo G, kết nối dữ liệu mạng viễn thông, sử dụng thông tin về tài khoản Ngân hàng Quân đội (MB) số 0916845682 của ông Nguyễn Văn T và đăng nhập trái phép vào tài khoản, chiếm đoạt số tiền **10.038.000** đồng của ông Tùng. Hành vi của các bị cáo đã phạm “Tội sử dụng mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 290 của BLHS. Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà truy tố các bị cáo có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 290. Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

“1. Người nào sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử thực hiện một trong những hành vi sau đây, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của Cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo: hành vi sử dụng mạng viễn thông, phương tiện điện tử để chiếm đoạt tài sản mà bị cáo G và bị cáo D thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động bình thường trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Vụ án có sự đồng phạm, trong đó bị cáo G là người khởi xướng và thực hành tích cực nên vai trò của bị cáo G cao hơn bị cáo D.

[6] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo G và bị cáo D đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại nên cả hai bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị cáo D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị hại là ông Nguyễn Văn T có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho cả hai bị cáo, đây cũng được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Bị cáo G, ngày 07-12-2023 bị kết án 09 tháng tù về hành vi “trộm cắp tài sản” (theo bản án hình sự sơ thẩm số 274/2023/HSST ngày 07-12-2023 của TAND thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 07-5-2024) chưa được xóa án tích, vì vậy lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS. Bị cáo D trước khi thực hiện hành vi phạm tội có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy đối với bị cáo G cần phải áp dụng hình phạt tù theo quy định của khung hình phạt, cách ly bị cáo khỏi cuộc sống ngoài xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng giáo

dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo D chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo đều là lao động tự do, không có tài sản, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Đối với anh Đồng Minh Ph (bạn của bị cáo D) là người đã cho bị cáo G và bị cáo D chuyển nhờ số tiền 10.038.000 đồng chiếm đoạt của ông Tùng đến tài khoản của anh Phúc. Quá trình điều tra xác định: ngày 10-7-2024 khi nhận điện thoại của bị cáo D gọi đến hỏi cho chuyển nhờ số tiền trên đến số tài khoản của anh Phúc, anh Phúc không biết bị cáo D nhờ tài khoản của mình để chuyển tiền do các bị cáo chiếm đoạt của ông Tùng, và anh Phúc cũng không được hưởng lợi gì từ việc đó nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà không xử lý gì đối với anh Phúc là có căn cứ.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được các bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng: chiếc điện thoại nhãn hiệu POCO C40 màu xanh, số IMEI 1: 862598051797942 và số IMEI 2: 8625980551797959, trong máy có lắp 01 sim Viettel số 0984.736.897 quản lý của bị cáo D được bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[11] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng G và Bùi Quang D phạm “Tội sử dụng mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 290; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng G 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07-10-2024.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 290; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Phạt bị cáo Bùi Quang D 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Bùi Quang D cho UBND xã Minh Tân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu POCO C40 màu xanh, số IMEI 1: 862598051797942 và số IMEI 2: 8625980551797959, trong máy có lắp 01 sim Viettel số 0984.736.897 quản lý của bị cáo Bùi Quang D. (Vật chứng của vụ án hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20-11-2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà)

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hoàng G và Bùi Quang D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo Nguyễn Hoàng G và Bùi Quang D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS Hưng Hà;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Hưng Hà;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Mạnh Hà

